

Số: 477 /QĐ-ĐHNL-ĐT

Thái Nguyên, ngày 07 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Công nhận miễn chuẩn đầu ra Ngoại ngữ và CNTT
đối với sinh viên khóa 52 hệ đại học chính quy thuộc huyện nghèo**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM

Căn cứ nghị định số 31/CP ngày 04/04/1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14/05/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Nghị quyết số 39/NQ-HĐĐHTN ngày 19/11/2021 của Hội đồng Đại học Thái Nguyên về việc Ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 28/QN-HĐT ngày 05/09/2022 của Hội đồng trường Trường Đại học Nông lâm, Đại học Thái Nguyên về việc Ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Nông lâm, Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng BGD&ĐT về việc ban hành khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 2658/QĐ-BGDĐT ngày 23/07/2018 của Bộ Giáo dục và đào tạo ban hành Kế hoạch triển khai Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2017-2025;

Căn cứ Công văn số 2098/ĐHTN-ĐT ngày 03/11/2020 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên về chuẩn đầu ra trình độ ngoại ngữ đối với các ngành đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy;

Căn cứ Quyết định số 618/QĐ-ĐHNL-ĐT ngày 06/08/2021 của Hiệu trưởng trường Đại học Nông lâm về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 344/QĐ-ĐHNL-ĐT ngày 12/5/2023 của Hiệu trưởng trường Đại học Nông lâm về việc Ban hành quy định chuẩn đầu ra ngoại ngữ, Quy định miễn học, miễn thi và chuyển điểm học phần Tiếng Anh đối với sinh viên trường Đại học Nông lâm – Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 343/QĐ-ĐHNL-ĐT ngày 12/5/2023 của Hiệu trưởng trường Đại học Nông lâm về việc Ban hành quy định chuẩn đầu ra tin học đối với sinh viên trường Đại học Nông lâm – Đại học Thái Nguyên;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận miễn chuẩn đầu ra Ngoại ngữ và CNTT đối với sinh viên khóa 52 hệ đại học chính quy thuộc huyện nghèo. (Có danh sách sinh viên kèm theo)

Điều 2. Giao cho phòng Đào tạo cập nhật kết quả đạt cho các sinh viên lên phần mềm quản lý đào tạo theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Đào tạo, thủ trưởng các đơn vị có liên quan và các sinh viên có tên trong danh sách tại điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- BGH (báo cáo);
- Điều 3 (thực hiện);
- Lưu VT, ĐT.



HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS. Nguyễn Hưng Quang

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN MIỄN CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ VÀ CNTT ĐỐI VỚI
SINH VIÊN K52 THUỘC HUYỆN NGHÈO**

(Kèm theo QĐ số: 477/QĐ-ĐHNL-ĐT, ngày 19/6/2023 của Hiệu trưởng)

TT	Mã sv	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Thường trú			Đối tượng	Khoa
						Xã	Huyện	Tỉnh		
1	DTN2051060007	Đặng Thị	Lan	01/07/2002	Điểm báo chất lượng an toàn thực phẩm 52	Thượng Ân	H Ngàn Sơn	Bắc Kạn	Huyện nghèo	CNSH&CNTP
2	DTN2058510011	Lý A	Nhan	07/02/2002	Điểm báo chất lượng an toàn thực phẩm 52	Ngồi Cáy	Huyện Mường Ảng	Điện Biên	Huyện nghèo	CNSH&CNTP
3	DTN2053040069	XÈN THỊ	BON	02/03/2002	Chăn nuôi thú y 52	Xín Mần	Huyện Xín Mần	Hà Giang	Huyện nghèo	CNTY
4	DTN2053040044	Nguyễn Kiều	Trang	13/05/2002	Chăn nuôi thú y 52	TT Na Hang	Huyện Na Hang	Tuyên Quang	Huyện nghèo	CNTY
5	DTN2053040052	Tổng Văn	Lộc	10/02/2002	Chăn nuôi thú y 52Pohe	Mường Tè	Huyện Mường Tè	Lai Châu	Huyện nghèo	CNTY
6	DTN2053140008	LIU ANH	THU	19/10/2002	Chăn nuôi thú y 52Pohe	Vũ Minh	Huyện Nguyên Bình	Cao Bằng	Huyện nghèo	CNTY
7	DTN2053040028	Chá A	Tùa	26/09/2002	Chăn nuôi thú y 52Pohe	Xuân Lao	Huyện Mường Ảng	Điện Biên	Huyện nghèo	CNTY
8	DTN2053040016	Nông Công	Tùng	08/08/2002	Chăn nuôi thú y 52Pohe	Thượng Quan	H Ngàn Sơn	Bắc Kạn	Huyện nghèo	CNTY
9	DTN2053040024	Nguyễn Đỗ Thành	Long	04/04/2001	Chăn nuôi thú y 52Pohe	TT Na Hang	Huyện Na Hang	Tuyên Quang	Huyện nghèo	CNTY
10	DTN2054280008	LÝ ĐẠI	DUY	05/09/2002	Thú y 52N01	Phổ Bàng	Huyện Đồng Văn	Hà Giang	Huyện nghèo	CNTY
11	DTN2053050081	Đặng Thị Ngọc	Hà	06/09/2001	Thú y 52N01	Kim Cúc	Huyện Bảo Lạc	Cao Bằng	Huyện nghèo	CNTY
12	DTN2053050018	Nông Thanh	Tùng	01/09/2002	Thú y 52N01	TT An Châu	Huyện Sơn Động	Bắc Giang	Huyện nghèo	CNTY
13	DTN2053050042	Lừu A	Cáng	20/08/2002	Thú y 52N02	Mù Sang	Huyện Phong Thổ	Lai Châu	Huyện nghèo	CNTY
14	DTN2053050078	Vàng Nguyên	Giang	31/08/2002	Thú y 52N02	Đông Hà	Huyện Quỳ Bạ	Hà Giang	Huyện nghèo	CNTY
15	DTN2053050084	Tráng Thanh	Hưng	15/06/2002	Thú y 52N02	Chế là	Huyện Xín Mần	Hà Giang	Huyện nghèo	CNTY
16	DTN2053050105	Hoàng Quỳnh	Như	15/10/2002	Thú y 52N02	Đức Hồng	Huyện Trưng Khánh	Cao Bằng	Huyện nghèo	CNTY
17	DTN2053050103	Hoàng Văn	Quang	11/08/2001	Thú y 52N02	Điểm He	Huyện Văn Quan	Lạng Sơn	Huyện nghèo	CNTY
18	DTN2053050092	NGUYỄN PHƯƠNG	THÙY	04/05/2002	Thú y 52N02	Cốc Lầu	Huyện Bắc Hà	Lào Cai	Huyện nghèo	CNTY
19	DTN2053050090	NÔNG THỊ THANH	THÙY	27/05/2002	Thú y 52N02	Lý Quốc	Huyện Hạ Lang	Cao Bằng	Huyện nghèo	CNTY
20	DTN2054110012	Sùng A	Cầu	08/09/2002	Kinh tế nông nghiệp 52	Trung Thu	Huyện Tủa Chùa	Điện Biên	Huyện nghèo	KT&PTNT
21	DTN2053110015	Sùng A	Lênh	13/06/2002	Kinh tế nông nghiệp 52	Chế Tạo	Huyện Mù Cang Chải	Yên Bái	Huyện nghèo	KT&PTNT
22	DTN2053050012	Chu Văn	Phương	01/11/2001	Kinh tế nông nghiệp 52	Mường Nhé	Huyện Mường Nhé	Điện Biên	Huyện nghèo	KT&PTNT
23	DTN2052050010	Giảng A	Quang	20/03/2002	Kinh tế nông nghiệp 52	Điểm báo chất lượng an toàn thực phẩm 52	Huyện Mù Cang Chải	Yên Bái	Huyện nghèo	KT&PTNT
24	DTN2054110003	Sùng A	Vứ	07/06/1999	Kinh tế nông nghiệp 52	Chế Tạo	Huyện Mù Cang Chải	Yên Bái	Huyện nghèo	KT&PTNT
25	DTN2052010007	Pờ Xuân	Hòa	07/09/2001	Lâm sinh 52	Chung Chải	Huyện Mường Nhé	Điện Biên	Huyện nghèo	LN

26	DTN2052010003	Sùng A	Lòng	07/12/2002	Lâm sinh 52	Mường Nhé	Huyện Mường Nhé	Điện biên	Huyện nghèo	LN
27	DTN2052010002	Lý Quang	Vinh	01/02/2002	Lâm sinh 52	Nậm Kè	Huyện Mường Nhé	Điện biên	Huyện nghèo	LN
28	DTN2053160004	Chang A	Tủa	06/08/2002	Quản lý tài nguyên rừng 52	Mường Nhé	Huyện Mường Nhé	Điện biên	Huyện nghèo	LN
29	DTN2053110001	Giăng A	Dinh	10/05/2002	Khoa học môi trường 52	Bản Lang	Huyện Phong Thổ	Lai Châu	Huyện nghèo	MT
30	DTN2053110008	Chu Văn	Hà	17/01/2002	Khoa học môi trường 52	Văn Tùng	H Ngăn Sơn	Bắc Kạn	Huyện nghèo	MT
31	DTN2053110006	Tạ Duy	Khánh	27/02/2002	Khoa học môi trường 52	Nậm Cỏ	Huyện Mù Cang Chải	Yên Bái	Huyện nghèo	MT
32	DTN2053110019	MA THANH TÙNG		28/01/2002	Khoa học môi trường 52	Minh Tâm	Huyện Nguyên Bình	Cao Bằng	Huyện nghèo	MT
33	DTN2052050004	La Văn	Ba	25/07/2002	Quản lý Thông tin 52	Phong Nặm	Huyện Trùng Khánh	Cao Bằng	Huyện nghèo	MT
34	DTN2052050003	Hồ Cổ	Hương	02/10/2002	Quản lý Thông tin 52	Kan Hồ	Huyện Mường Tè	Lai Châu	Huyện nghèo	MT
35	DTN2052050002	Lý Cổ	Linh	12/11/2002	Quản lý Thông tin 52	Đào Sơn Hạng, Xóm Hả, Hoàng Th, Lai Ch	Huyện Mường Tè	Lai Châu	Huyện nghèo	MT
36	DTN2052050007	Chin A	Tạ	18/08/2002	Quản lý Thông tin 52	Pa Cheo, Hua Bùn	Huyện Nậm Nhùn	Lai Châu	Huyện nghèo	MT
37	DTN2053070004	Hoàng Văn	Anh	14/04/2001	Khoa học cây trồng 52	Mông Ân	Huyện Bảo Lâm	Cao Bằng	Huyện nghèo	NH
38	DTN2053070003	Lý A	Đông	29/12/2002	Khoa học cây trồng 52	Phìn Hồ	Huyện Sin Hồ	Lai Châu	Huyện nghèo	NH
39	DTN2053070009	Và Mí	Nô	08/06/2000	Khoa học cây trồng 52	Lũng Chinh	Huyện Mèo Vạc	Hà Giang	Huyện nghèo	NH
40	DTN2054280009	Hoàng Lục Anh	Tuấn	05/04/2002	Khoa học cây trồng 52	Bộc Bó	Huyện Pác Nặm	Bắc Kạn	Huyện nghèo	NH
41	DTN2053070005	Lương Vương Ngọc	Linh	09/11/2002	Khoa học cây trồng 52	Đức Hồng	Huyện Trùng Khánh	Cao Bằng	Huyện nghèo	NH
42	DTN2051010032	Bản Mạnh	Châm	22/01/2001	Nông nghiệp công nghệ cao 52	Tân Hòa	Huyện Bình Gia	Lạng Sơn	Huyện nghèo	NH
43	DTN2051010003	Vừ A	Công	01/11/2001	Nông nghiệp công nghệ cao 52	Nậm Lịch	Huyện Mường ăng	Điện biên	Huyện nghèo	NH
44	DTN2051010030	Lò Văn	Cường	09/08/2002	Nông nghiệp công nghệ cao 52	Mường Báng	Huyện Tủa Chùa	Điện biên	Huyện nghèo	NH
45	DTN2051010036	Lý Văn	Dầu	29/05/1999	Nông nghiệp công nghệ cao 52	Hưng Đạo	Huyện Bảo Lạc	Cao Bằng	Huyện nghèo	NH
46	DTN2051010031	Lù Minh	Hiển	19/09/2002	Nông nghiệp công nghệ cao 52	Pờ Ly Ngải	Huyện Hoàng Su Phì	Hà Giang	Huyện nghèo	NH
47	DTN2051010029	Hàng A	Ký	25/11/2002	Nông nghiệp công nghệ cao 52	Nà Khao	Huyện Nậm Pồ	Điện biên	Huyện nghèo	NH
48	DTN2051010037	Lò Văn	Lớm	01/11/2002	Nông nghiệp công nghệ cao 52	Mường Báng	Huyện Tủa Chùa	Điện biên	Huyện nghèo	NH
49	DTN2051010040	Sào Se	Lúy	10/08/2002	Nông nghiệp công nghệ cao 52	A Lù	Huyện Bát Xát	Lào Cai	Huyện nghèo	NH
50	DTN2051010019	Sùng Thị	Máy	20/10/2002	Nông nghiệp công nghệ cao 52	Phổ Cáo	Huyện Đồng Văn	Hà Giang	Huyện nghèo	NH
51	DTN2051010038	Đào Văn	Minh	02/03/2001	Nông nghiệp công nghệ cao 52	Trung Hòa	H Ngăn Sơn	Bắc Kạn	Huyện nghèo	NH
52	DTN2051010033	Vừ Mí	Sính	15/07/2002	Nông nghiệp công nghệ cao 52	Lũng Thầu	Huyện Đồng Văn	Hà Giang	Huyện nghèo	NH
53	DTN2051010041	Tần Láo	Tả	09/06/2001	Nông nghiệp công nghệ cao 52	A Lù	Huyện Bát Xát	Lào Cai	Huyện nghèo	NH
54	DTN2051010016	Nguyễn Công	Tuyền	21/12/2002	Nông nghiệp công nghệ cao 52	Canh Tân	Huyện Thạch An	Cao Bằng	Huyện nghèo	NH
55	DTN2051010017	Vừ A	Và	01/01/2002	Nông nghiệp công nghệ cao 52	Mường Nhé	Huyện Mường Nhé	Điện biên	Huyện nghèo	NH

56	DTN2058510016	NÔNG THỊ	VÂN	28/05/2002	Nông nghiệp công nghệ cao 52	Đình Phong	Huyện Trùng Khánh	Cao Bằng	Huyện nghèo	NH
57	DTN2054120002	Triệu Huy	Hữu	15/08/2002	Quản lý đất đai 52	Phong Nậm	Huyện Trùng Khánh	Cao Bằng	Huyện nghèo	QLTN
58	DTN2053070001	Đình Thị	Lựu	10/06/2002	Quản lý đất đai 52	Lê Lợi	Huyện Thạch An	Cao Bằng	Huyện nghèo	QLTN
59	DTN2054120022	Lò Thị	Minh	10/12/2001	Quản lý đất đai 52	Tông Cọ	Huyện Thuận Châu	Sơn La	Huyện nghèo	QLTN
60	DTN2054120017	Vàng A	Minh	01/11/2002	Quản lý đất đai 52	Na Sang	Huyện Mường Chà	Điện Biên	Huyện nghèo	QLTN
61	DTN2054120018	Vàng A	Tà	18/12/2002	Quản lý đất đai 52	Na Sang	Huyện Mường Chà	Điện Biên	Huyện nghèo	QLTN
62	DTN2058510015	NGUYỄN VĂN	PHỐ	21/04/2001	Quản lý tài nguyên và DLST 52	Bán Kì - Lăng Cha - Lâm Bình - Tuyên Quang	Huyện Lâm Bình	Tuyên Quang	Huyện nghèo	QLTN
63	DTN2058510018	SÚ XÍN	PHƯƠNG	25/05/2002	Quản lý tài nguyên và DLST 52	Thôn 4 - Tổng Sơn - Hoàng Su Phì	Huyện Hoàng Su Phì	Hà Giang	Huyện nghèo	QLTN
64	DTN2058510001	Tân Văn	Thái	07/04/2002	Quản lý tài nguyên và DLST 52	Nà Mán - Nặm Chai - Bắc Lạn - Cao Bằng	Huyện Bắc Lạn	Cao Bằng	Huyện nghèo	QLTN

Ấn định danh sách: 64 sinh viên